CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG
BIÊN HÒA – PHAN RANG
Số: ..58.../2026/TB-BHS.PR

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
Khánh Hoà, ngày 30 tháng 01 năm 2026

***Kính gửi:* SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH KHÁNH HÒA**

THÔNG BÁO

V/v: Cập nhật thông tin trên nhãn bao bì Đường vàng thiên nhiên

- *Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4500138596 của Công ty Cổ Phần Đường Biên Hòa - Phan Rang;*
- *Căn cứ Nghị Định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 về việc thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;*

Căn cứ nhu cầu thị trường và sản xuất kinh doanh của Công ty, chúng tôi có nhu cầu cập nhật thông tin hồ sơ tự công bố ĐƯỜNG VÀNG THIÊN NHIÊN 05/BHS.PR/2025 chi tiết như sau:

1. Thay đổi trên nhãn sản phẩm:

Nội dung	Nhãn đang sử dụng	Nhãn sau khi thay đổi
Ngày sản xuất; hạn sử dụng	NGÀY SẢN XUẤT ĐƯỢC IN TRÊN BAO BÌ SỬ DỤNG TỐT NHẤT TRƯỚC 24 THÁNG KỂ TỪ NGÀY SẢN XUẤT	NGÀY SẢN XUẤT: ĐƯỢC IN TRÊN BAO BÌ HẠN SỬ DỤNG: SỬ DỤNG TỐT NHẤT TRƯỚC 24 THÁNG KỂ TỪ NGÀY SẢN XUẤT
Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản	SỬ DỤNG TRỰC TIẾP VÀ DÙNG TRONG CHẾ BIẾN THỰC PHẨM BẢO QUẢN NƠI KHÔ RÁO, THOÁNG MÁT. TRÁNH NƠI ẨM, NHIỆT ĐỘ CAO VÀ DƯỚI ÁNH NẮNG MẶT TRỜI	HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG: SỬ DỤNG TRỰC TIẾP VÀ DÙNG TRONG CHẾ BIẾN THỰC PHẨM HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN: BẢO QUẢN NƠI KHÔ RÁO, THOÁNG MÁT. TRÁNH NƠI ẨM, NHIỆT ĐỘ CAO VÀ DƯỚI ÁNH NẮNG MẶT TRỜI.
Định lượng, đơn vị định lượng, khối lượng tịnh	50 KG	50 kg

2. Thay đổi trên Hồ sơ tự công bố:

<table>
<tr><th>Nội dung</th><th>Hồ sơ tự công bố hiện tại</th><th>Hồ sơ tự công bố thay đổi</th></tr>
<tr><td>IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm</td><td>- Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa.
- Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 v/v Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.</td><td>Bỏ nội dung này do hết hiệu lực</td></tr>
<tr><td>2. Tiêu chuẩn nhà sản xuất</td><td>Hàm lượng saccharose
Đơn vị tính: %</td><td>Độ pol
Đơn vị tính: ^{0}Z</td></tr>
<tr><td>2. Tiêu chuẩn nhà sản xuất</td><td>Không thể hiện chỉ tiêu vi sinh</td><td>Bổ sung 2.4. Chỉ tiêu vi sinh
<table>
<tr><th>STT</th><th>Chỉ tiêu</th><th>Đơn vị tính</th><th>Mức công bố</th></tr>
<tr><td>1</td><td>Tổng số VSV hiếu khí</td><td>Cfu/10g</td><td>≤ 200</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Tổng số bào tử nấm men</td><td>Cfu/10g</td><td>≤ 10</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Tổng số bào tử nấm mốc</td><td>Cfu/10g</td><td>≤ 10</td></tr>
</table></td></tr>
<tr><td>3. Hướng dẫn bảo quản</td><td>Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát. Tránh nơi ẩm, nhiệt độ cao và dưới ánh nắng mặt trời. Không chất chung hàng hóa, thực phẩm khác trong quá trình vận chuyển. Chứa trong kho kín có thông gió, phải lưu trữ tách biệt đường với các sản phẩm khác để tránh hấp phụ mùi, ẩm và các nhiễm chéo khác.</td><td>Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát. Tránh nơi ẩm, nhiệt độ cao và dưới ánh nắng mặt trời.</td></tr>
</table>

Công ty chúng tôi cam kết tuân thủ thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc bổ sung cơ sở sản xuất.

Kính thông báo đến Quý Cơ quan và Khách hàng các nội dung bổ sung nêu trên.

Trân trọng!

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Nơi nhận: Như trên, Lưu QLCL

M.S.D.N: 4500138596 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA - PHAN RANG
TỈNH KHÁNH HÒA

Võ Thị Thúy Tiên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 05/BHS.PR/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA – PHAN RANG**

Địa chỉ: 160 đường Bác Ái, phường Đô Vinh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Điện thoại: 0259.3888039 E-mail: bhsphanrang@ttcagris.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 4500138596

Giấy chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm – FSSC 22000 số: FSSC 801811

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: ĐƯỜNG VÀNG THIÊN NHIÊN

2. Thành phần: Đường mía 100%

3. Thời hạn sử dụng của sản phẩm: Sử dụng tốt nhất trước 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất được in trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Đường Vàng Thiên Nhiên được chứa trong bao bì có 2 lớp: bao PP bên ngoài, bao PE bên trong.
- Khối lượng tịnh: 50 kg.

5. Xuất xứ: Việt Nam

6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

6.1. Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng:

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA – PHAN RANG

Địa chỉ: Số 160 đường Bác Ái, phường Đô Vinh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ "E" sau ngày sản xuất.

Minh họa: NSX/MFG: dd.mm.yy E

6.2. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm trong trường hợp thuê cơ sở sản xuất:

- **Tên cơ sở 1 : CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AGRIS NINH HÒA.**

Địa chỉ: Thôn Phước Lâm, Xã Tân Định, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Số chứng nhận FSSC: FSSC 648308, nơi cấp: BSI.

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ "D" sau ngày sản xuất.

Minh họa: NSX/MFG: dd.mm.yy D

- **Tên cơ sở 2 : CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP AGRIS GIA LAI.**

  Địa chỉ: Số 561 đường Trần Hưng Đạo, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

  Số giấy chứng nhận FSSC: VN013483, nơi cấp: Bureau Veritas Certication.

  Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ "F" sau ngày sản xuất.

  Minh họa: NSX/MFG: dd.mm.yy F.

III. Mẫu nhãn sản phẩm:

Mẫu nhãn đính kèm hồ sơ.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. **Kim loại nặng:** Phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 8-2:2011/BYT về giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm do Bộ Y tế ban hành.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng arsen (As)	mg/kg	1.0
2	Hàm lượng cadmi (Cd)	mg/kg	1.0
3	Hàm lượng chì (Pb)	mg/kg	0.5
4	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/kg	0.05

2. **Tiêu chuẩn nhà sản xuất:**

2.1. Chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Tinh thể tương đối đồng đều, khô, rời.
- Màu sắc: Tinh thể màu vàng sáng đến nâu, khi pha vào nước cất cho dung dịch có màu tương ứng từ vàng nhạt đến nâu.
- Mùi vị: Tinh thể đường hoặc dung dịch đường trong nước có mùi vị tự nhiên, không có mùi vị lạ.

2.2. Chỉ tiêu hóa lý:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Độ pol	^{0}Z	≥ 98,5
2	Độ màu	ICUMSA	≤ 2500
3	Độ ẩm	% khối lượng	≤ 0,4
4	Độ tro dẫn điện	% khối lượng	≤ 0,3
5	Hàm lượng đường khử	% khối lượng	≤ 0,35

2.3. Hàm lượng hóa chất không mong muốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng lưu huỳnh dioxit (SO_2)	mg/kg	≤ 9

2.4. Chỉ tiêu vi sinh:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Tổng số VSV hiếu khí	Cfu/10g	≤ 200
2	Tổng số bào tử nấm men	Cfu/10g	≤ 10
3	Tổng số bào tử nấm mốc	Cfu/10g	≤ 10

3. **Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát. Tránh nơi ẩm, nhiệt độ cao và dưới ánh nắng mặt trời.
4. **Hướng dẫn sử dụng:** Sử dụng trực tiếp và dùng trong chế biến thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 09 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

M.S.D.N: 4500[illegible]596 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA - PHAN RANG
TỈNH KHÁNH HÒA

Võ Thị Thúy Tiên

200 mm

30 mm



30 mm

100 mm

Ngày 30/09/2026
BP. QLCL

Nguyễn Thị Diễm Hương

M.S.D.N: 4500138596 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA - PHAN RANG
TỈNH KHÁNH HÒA

Võ Thị Thúy Tiên

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
QUATEST 3®
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
VILAS 004
ISO/IEC 17025:2017
Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: ❶ No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam ❷ C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam ❸ 1196 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

KT3-09119BTP5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu / *Name of sample*: **ĐƯỜNG VÀNG THIÊN NHIÊN**

2. Mô tả mẫu / *Sample description*: Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu đựng trong bao bì ép kín.
As received sample is contained in sealed package.

3. Số lượng mẫu / *Quantity*: 01

4. Ngày nhận mẫu / *Date of receiving*: 23/12/2025

5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration*: 24/12/2025 - 07/01/2026

6. Nơi gửi mẫu / *Customer*: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA - PHAN RANG**
Số 160 đường Bác ái, Phường Đô Vinh, Tỉnh Khánh Hòa

7. Kết quả thử nghiệm / *Test results*: Xem trang / *See page* 02 - 05/05

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / *PP. DIRECTOR*
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

Ngô Quốc Việt

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-09119BTP5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

07/01/2026

7. Kết quả thử nghiệm / *Test results*:

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Phạm vi đo *Range of measurement* (≥)	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.1. Cảm quan(*) / *Sensory test* • Trạng thái / *State* • Mùi vị / *Odor & taste*	QTTN/KT3 234 : 2019		-	Dạng hạt tương đối đồng đều, khô, rời *Crystal, relatively same in size, dry, no curdle* Tinh thể đường hoặc dung dịch đường trong nước có vị ngọt tự nhiên, không có mùi vị lạ *Sugar crystal or sugar solution in water has naturally sweet taste, free from foreign odor & taste*
7.2. Độ màu ICUMSA / *Color*, IU	GS1/3-7 (2011) ICUMSA		-	821
7.3. Hàm lượng tro dẫn điện tính theo khối lượng, % *Conductivity ash content (m/m)*	GS 1/3/4/7/8 - 13 (1994) - ICUMSA		-	0,10
7.4. Hàm lượng đường khử tính theo khối lượng, % *Reducing sugars content (m/m)*	GS1 - 5 (2009) ICUMSA		-	0,15
7.5. Độ ẩm tính theo khối lượng, % *Moisture content (m/m)*	GS 2/1/3/9 - 15 (2007) ICUMSA		-	$4{,}80 \times 10^{-2}$
7.6. Hàm lượng chất rắn không hòa tan, mg/kg *Insoluble solid content*	GS1-24 (2017) ICUMSA		-	9,71

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-09119BTP5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

7. Kết quả thử nghiệm /*Test results* :

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Phạm vi đo *Range of measurement* (≥)	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.7. Hàm lượng sacaroza tính theo khối lượng, % *Sucrose content (m/m)*	GS 1/2/3/9 - 1 (2011) ICUMSA		-	99,6
7.8. pH	GS 1/2/3/4/7/8/9-23 (2009) - ICUMSA		-	6,01
7.9. Hàm lượng aflatoxin B1, µg/kg *Aflatoxin B1 content*	TCVN 7596 : 2007	0,25		Không phát hiện *Not detected*
7.10. Hàm lượng aflatoxin, µg/kg *Aflatoxin content*	TCVN 7596 : 2007			
• B_1		0,25		Không phát hiện *Not detected*
• B_2		0,25		Không phát hiện *Not detected*
• G_1		0,25		Không phát hiện *Not detected*
• G_2		0,25		Không phát hiện *Not detected*
7.11. Hàm lượng chì, mg/kg *Lead content*	QUATEST3 1097:2023 (Ref: AOAC 999.11)	$3,00 \times 10^{-2}$		Không phát hiện *Not detected*
7.12. Hàm lượng đồng, mg/kg *Copper content*	QUATEST3 1113:2023 (Ref: AOAC 999.11)	0,12		Không phát hiện *Not detected*
7.13. Hàm lượng asen tổng số, mg/kg *Total arsenic content*	TCVN 8427 : 2010	$1,00 \times 10^{-2}$		Không phát hiện *Not detected*
7.14. Hàm lượng thủy ngân, mg/kg *Mercury content*	QUATEST3 1095:2023 (Ref: AOAC 971.21)	$1,50 \times 10^{-2}$		Không phát hiện *Not detected*
7.15. Hàm lượng cadimi, mg/kg *Cadmium content*	QUATEST3 1097:2023 (Ref: AOAC 999.11)	$3,00 \times 10^{-2}$		Không phát hiện *Not detected*

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-09119BTP5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

07/01/2026

7. Kết quả thử nghiệm / *Test results*:

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Phạm vi đo *Range of measurement* (≥)	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.16. Hàm lượng sunphua dioxyt (SO_2), mg/kg *Sulfur dioxide content*	GS 2/1/7/9 – 33 (2011) ICUMSA		-	1,69
7.17. Tổng số vi khuẩn hiếu khí, CFU/10 g *Total mesophillic bacterial count*	GS 2/3 - 41 (2011) ICUMSA 2017	-		$7,9 \times 10^1$
7.18. Tổng số nấm men, CFU/10 g *Total yeasts*	GS 2/3 - 47 (2015) ICUMSA 2017	-		Nhỏ hơn $1^{(1)}$ *Less than*
7.19. Tổng số nấm mốc, CFU/10 g *Total moulds*	GS 2/3 - 47 (2015) ICUMSA 2017	-		$6,0 \times 10^0$
7.20. Coliform, CFU/g	ISO 4832 : 2006	-		Nhỏ hơn $10^{(1)}$ *Less than*
7.21. *E. Coli*, MPN/g	ISO 16649 – 3 : 2015	-		0
7.22. *Salmonella* spp/ 25 g	ISO 6579-1:2017/ Amd.1:2020	-		Không phát hiện *Not detected*
7.23. *Staphylococcus aureus*, CFU/g	AOAC 2023 (975.55)	-		Nhỏ hơn $10^{(1)}$ *Less than*
7.24. Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật, mg/kg *Pesticide content*				
• 2,4-D	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện *Not detected*
• Aldicarb	EN 15662:2018	0,005		Không phát hiện *Not detected*
• Azinphos-methyl	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện *Not detected*
• Carbofuran	EN 15662:2018	0,005		Không phát hiện *Not detected*

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-09119BTP5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

07/01/2026
Page 05/05

7. Kết quả thử nghiệm : *Test results*

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Phạm vi đo *Range of measurement* (≥)	Kết quả thử nghiệm *Test result*
• Chlorantraniliprole	EN 15662:2018	0,005		Không phát hiện *Not detected*
• Clothianidin	QUATEST3 1184:2023	0,005		Không phát hiện *Not detected*
• Cyhalothrin	EN 15662:2018	0,05		Không phát hiện *Not detected*
• Cypermethrin	EN 15662:2018	0,05		Không phát hiện *Not detected*
• Dicamba	QUATEST3 1184:2023	0,005		Không phát hiện *Not detected*
• Ethoprophos	EN 15662:2018	0,005		Không phát hiện *Not detected*
• Glyphosate	QUATEST3 1184:2023	0,005		Không phát hiện *Not detected*
• Imazapic	QUATEST3 1184:2023	0,005		Không phát hiện *Not detected*
• Isoxaflutole	QUATEST3 1184:2023	0,005		Không phát hiện *Not detected*
• Mesotrione	QUATEST3 1184:2023	0,005		Không phát hiện *Not detected*
• Novaluron	EN 15662:2018	0,005		Không phát hiện *Not detected*
• Propiconazole	EN 15662:2018	0,005		Không phát hiện *Not detected*
• Tebufenozide	EN 15662:2018	0,005		Không phát hiện *Not detected*
• Trinexapac-ethyl	QUATEST3 1184:2023	0,0025		Không phát hiện *Not detected*

Ghi chú/ *Notes*: Hàm lượng protein/ *Protein* = 6,25 x Hàm lượng nitơ tổng/ *Nitrogen*

(1): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 1 CFU/10 g; 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ *According to the test method, the result is expressed as less than 1 CFU/g; 10 CFU/g when the dish contains no colony.*

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.